

Bản án số: 79/2019/HS -ST

Ngày: 24/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Huy Anh và ông Trần Đình Sao

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 68/2019/TLST - HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 125/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn G, sinh ngày 19/7/1989 tại thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên,

Nơi cư trú: Xóm ĐT, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Cán bộ đo đạc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; con: Có 1 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2018 đến Ny, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

-Anh Hồ Văn S, sinh năm 1990, vắng mặt

Trú tại: Thôn 8, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Xuân H, sinh năm 1977, có mặt

Trú tại: Thôn 8, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1965, có mặt

Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị Tuy, sinh năm 1971, có mặt
Trú tại: Thôn 1, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Văn N, sinh năm 1963, có mặt
Trú tại: Thôn 7, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Vũ Xuân L, sinh năm 1972, vắng mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Văn T, sinh năm 1971 (đã chết)
Chị Hồ Thị H, sinh năm 1971 (vợ anh T), vắng mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Vũ Thị N, sinh năm 1969, vắng mặt
Trú tại: Thôn 3, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986, có mặt
Trú tại: Thôn 2, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1975, có mặt
Trú tại: Thôn 8, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Vũ Xuân K, sinh năm 1971, có mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Văn X, sinh năm 1960, vắng mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Tuyên H, sinh năm 1975
Người được anh H ủy quyền, chị Trịnh Thị T, sinh năm 1991, vắng mặt
Đều trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Văn D, sinh năm 1976, có mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1966, có mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1965, có mặt
Trú tại: Thôn 5, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Lê Thị L, sinh năm 1982, có mặt
Trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, có mặt
Trú tại: Thôn 5, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975, có mặt
Trú tại: Thôn 7, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, có mặt
Trú tại: Thôn 5, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1952 (đã chết)

-Bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (vợ ông T) có mặt

Trú tại: Thôn 4, xã QL, thị xã H, tỉnh Nghệ an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966, có mặt

Trú tại: Xóm ĐT, xã DL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H, tỉnh Nghệ An, nhận được kiến nghị khởi tố của UBND thị xã H, tỉnh Nghệ An về việc kiến nghị khởi tố đối với Trần Văn G về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 21 hộ dân thuộc xã QL, thị xã H. Sau khi tiếp nhận kiến nghị, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra theo qui định của pháp luật. Qua điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định như sau:

Vào thời gian từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2017, Trần Văn G là nhân viên H đồng của Công ty Cổ phần khảo sát xây Dng và tH mại Vạn Xuân được Công ty cử đến làm việc tại xã QL, thị xã H Da trên H đồng ký kết giữa Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An và Công ty Cổ phần khảo sát xây Dng và tH mại Vạn Xuân. G được Công ty Cổ phần khảo sát xây Dng và tH mại Vạn Xuân giao nhiệm vụ kê khai, thống kê các hộ dân thuộc xã QL đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trình lên UBND xã QL; để UBND xã QL trình lên cấp trên cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho những hộ dân có đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước. Trong thời gian làm việc tại xã QL, G đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói các hộ dân, bản thân G có thẩm quyền, chức vụ và quen biết nhiều với cơ quan cấp tỉnh Nghệ An và tự làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và H T hóa sổ đất thừa so với thực tế có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Dẫn đến các hộ dân tin và nhờ G làm giấy tờ về đất. Để có được giấy tờ về đất G đã yêu cầu các hộ dân phải đưa trước cho G một số tiền nhất định tương ứng với giá trị lô đất, diện tích đất để làm thủ tục ban đầu. Các hộ dân đã tin và giao tiền cho G, nhận tiền xong G không tiến làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và H T hóa sổ đất thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà lấy tiền chiếm đoạt được tiêu dùng vào mục đích cá nhân sau đó bỏ trốn. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 Trần Văn G đã lừa đảo chiếm đoạt của 21 người, cụ thể:

Vào thời gian tháng 4 năm 2017, thông qua dư L, được biết Trần Văn G nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên Anh Hồ Văn S đến gặp G tại phòng làm việc của G thuê nhà của Bà Phạm Thị Sáu ở Thôn 6, xã QL, thị xã H, đặt vấn đề nhờ tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất mang tên bố anh S là ông Hồ Thịnh. Sau khi nghe G nói, bản thân G là cán bộ địa chính, có thẩm quyền, chức vụ đồng thời quen biết nhiều nên tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh S tin và đưa cho G, số tiền 9.200.000đ cho G theo yêu cầu của G.

Vào khoảng 10 giờ, ngày 25 tháng 4 năm 2017, Anh Hồ Xuân H đến gặp G tại phòng làm việc của G, đặt vấn đề nhờ G làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất gia đình anh H đang ở thuộc đất khai hoang chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nghe G nói bản thân G có thẩm quyền, chức vụ, làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh H tin và đưa số tiền 9.200.000đ cho G theo yêu cầu của G.

Vào khoảng 14 giờ, thời gian đầu tháng 5 năm 2017, chị Nguyễn Thị D đến phòng làm việc của G. Tại đây chị D đặt vấn đề nhờ G H T hóa sổ đất thừa của gia đình so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu, G nói với chị D, G quen biết rộng, nếu chị D đồng ý thì G sẽ trực tiếp vào TP. Vinh để làm hồ sơ, không cần qua UBND xã QL cho nhanh. Để cho chị D tin, G còn nói đầu tháng 12 năm 2017 sẽ xong giấy tờ đất. Nghe G nói vậy, chị D tin và đồng ý giao tiền, nhờ G H T hóa sổ đất thừa của gia đình so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Sau đó chị D đã giao cho G số tiền 78.000.000đ. Đến tháng 12 năm 2017, chị D nhiều lần gọi điện thoại thì G nói, yên tâm đi, sắp xong rồi. Sau đó thì không liên lạc được.

Vào khoảng 10 giờ, đầu tháng 5 năm 2017, chị Nguyễn Thị Tuy đến phòng làm việc của G, nhờ tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình sang cho con trai là Bạch Trọng D. Sau khi được G giới T, bản thân G là cán bộ có chức vụ, có thẩm quyền tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình, chị Tuy đã tin và giao cho G số tiền 13.000.000đ theo yêu cầu của G. Để cho chị Tuy thêm tin tưởng, G đã nói đến tháng 12 năm 2017 sẽ có được giấy tờ đất. Sau đó đến thời gian hẹn nhưng vẫn chưa có giấy tờ đất, chị Tuy đã nhiều lần điện hỏi, G tìm hết lý do này đến lý do khác để nói là đang làm. Trong khi G không tiến hành các hoạt động để làm giấy tờ đất cho chị Tuy.

Vào thời gian đầu tháng 5 năm 2017, anh Hồ Văn N đến phòng làm việc của G hỏi thông tin về đất mà gia đình anh N đang ở. Lúc này G lấy máy tính của mình ra, kiểm tra thông tin và nói với anh N là đất của anh N thừa 500m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Thấy vậy anh N hỏi thì G nói bản thân G có thẩm quyền, quen biết nhiều nên làm được hồ sơ, thủ tục. Thấy vậy, anh N tin và đưa cho G số tiền 20.000.000đ theo đề nghị của G. Nhận tiền xong G nói đến tháng 12 năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã được H T hóa số đất thừa. Nhưng sau đó G không tiến hành các thủ tục để H T hóa đất thừa cho anh N.

Vào ngày 16 tháng 5 năm 2017, thông qua dư L, được biết G nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên anh Vũ Xuân L đến gặp G tại nhà anh Hồ Văn Tuấn. Tại đây anh L hỏi G có tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không, G nói bản thân G có thể tự tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nghe G nói vậy anh L tin và thông nhất số tiền mà G đưa ra là 13.500.000đ để làm giấy. Sau đó đến khoảng 18 giờ cùng ngày G đến nhà anh L, tại đây anh L giao cho G số tiền 5.000.000đ, lần thứ hai vào khoảng cuối tháng 5 năm 2017, G điện thoại, yêu cầu anh L đưa thêm số tiền còn lại, anh L nói G đến nhà mình để nhận tiền. Tại nhà mình, anh L giao cho G tiếp số tiền 8.500.000đ. Nhận tiền xong, G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L.

Vào thời gian đầu tháng 5 năm 2017, sau khi nghe được thông tin nên anh Hồ Văn T gặp G tại nhà của anh Hồ Tuyên H. Tại đây anh T hỏi G về thủ tục chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất gia đình anh T đang ở mang tên bà Nguyễn Thị Bằng sang tên anh T, thì G giới thiệu T, bản thân G có thẩm quyền làm được hồ sơ chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T đã tin và G yêu cầu anh T giao cho G số tiền 6.940.000đ để làm giấy chuyển nhượng, anh T đã giao cho G đủ số tiền theo yêu cầu. Nhận tiền xong, G hứa đến cuối năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T. Hiện tại anh T đã chết, chị Hồ Thị H là vợ anh T yêu cầu Trần Văn G phải bồi thường lại số tiền trên cho gia đình chị.

Vào thời gian nửa tháng 5 năm 2017, thông qua dư L, được biết G nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên chị Vũ Thị N điện thoại cho G để đặt vấn đề nhờ tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất chị N đang ở mang tên chồng Hồ Ngọc Vang (đã chết) sang cho các con là Hồ Vĩnh Ngọc và Hồ Thị Ngọc Hà. Sau khi được G nhận lời và được nghe G nói bản thân G có thẩm quyền tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị N thêm tin tưởng và đồng ý với số tiền G đưa ra, tách hai bìa là 14.000.000đ nhưng đưa trước 9.000.000đ và chia làm hai lần. Đến đầu tháng 6 năm 2017, chị N đưa cho G số tiền 4.000.000đ, lần thứ hai chị N đưa cho G, số tiền 5.000.000đ, tổng số tiền là 9.000.000đ, cả hai lần đều giao tại nhà chị N. Nhận tiền xong, G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N.

Vào thời gian cuối tháng 5 năm 2017, anh Hoàng Văn T đến phòng làm việc của G. Tại đây anh T hỏi G về thủ tục làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất mà gia đình anh T đang ở. Nghe anh T nói vậy G nói bản thân G có thẩm quyền làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh T đã tin. Sau đó G nói để làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T phải đưa cho G số tiền 28.000.000đ nhưng đưa trước 26.000.000đ, số tiền

còn lại sẽ đưa đủ khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T đã giao cho G số tiền 26.000.000đ. Nhận tiền xong, G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

Vào thời gian đầu tháng 6 năm 2017, do có nhu cầu tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Nguyễn Thị Anh đến phòng làm việc của G hỏi, đặt vấn đề tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất gia đình chị Anh đang ở mang tên bố chồng chị Anh là ông Nguyễn Mệnh sang tên cho chồng chị Anh. Sau khi nghe G nói, G có thẩm quyền và quen biết nhiều nên sang tên được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị Anh. Nghe nói vậy chị Anh tin và hỏi về chi phí, G nói phải đưa cho G số tiền 12.000.000đ, nhưng đưa trước một phần nên chị Anh đồng ý. Đến hai ngày sau chị Anh đưa cho G số tiền 6.000.000đ tại phòng làm việc của G. Đến cuối tháng 6 năm 2017, chị Anh tiếp tục đưa cho G số tiền 4.200.000đ còn lại. Tổng hai lần Chị Anh đưa cho G là 10.200.000đ. Nhận tiền xong, G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Anh.

Vào thời gian đầu tháng 6 năm 2017, G đến đo đất tại nhà anh Hồ Văn X. Lúc này do có nhu cầu tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất mang tên mình sang cho con trai tên Hồ Đồng Triệu nên anh X đặt vấn đề nhờ G tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi được G nói bản thân G có thẩm quyền, có chức vụ tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh X tin và giao cho Trần Văn G, số tiền 14.200.000đ theo yêu cầu của Trần Văn G. Nhận tiền xong G hứa đến cuối năm 2017, Tc tháng 12 năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tách cho anh X. Nhưng sau đó G vẫn không thực hiện các thủ tục để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh X.

Vào thời gian đầu tháng 6 năm 2017, anh Vũ Xuân K đến phòng làm việc của G, hỏi về việc tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất mang tên anh K sang cho con trai. Sau khi nghe anh K trình bày nguyện vọng thì G nói G nói, có thẩm quyền làm được hồ sơ và nếu đồng ý thì sau khi hoàn tất hồ sơ anh K phải đưa cho G, số tiền 47.000.000đ nhưng trước tiên đưa một phần. Sau khi thống nhất, anh K ra về, đến hai ngày sau, anh K quay lại phòng làm việc của G, giao cho G số tiền 15.000.000đ. Đến đầu tháng 9 năm 2017, Anh K tiếp tục quay lại phòng làm việc của G đưa thêm số tiền 20.000.000đ, tổng hai lần anh K giao cho G là 35.000.000đ. Nhận tiền xong, G hứa đến cuối năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng G không thực hiện mà lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào thời gian đầu tháng 6 năm 2017, G đến nhà anh Hồ Tuyên H. Tại đây anh H hỏi về thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất gia đình anh H đang ở mang tên bố anh H sang cho vợ, chồng anh H. Sau đó được G nhận lời và G tự giới T, G được Công ty Cổ phần khảo sát xây Dng và tH mại Vạn Xuân cử về làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân thuộc xã QL, thị xã H. Sau khi trao đổi, anh H tin G làm được giấy và G nói anh H đưa số tiền làm giấy, anh H đã giao tiền cọc trước cho Trần Văn G số tiền 6.940.000đ

để G làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận tiền xong, G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, do anh H đi làm ăn xa chị Trịnh Thị T vợ anh H đã yêu cầu G phải trả lại số tiền đã nhận cho gia đình.

Vào tháng 6 năm 2017, anh Hồ Văn D đến nơi làm việc của G, hỏi thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi hỏi, được G nói G có thẩm quyền tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm với giá rẻ. Nên anh D tin và hỏi số tiền cần phải đưa, G đưa ra số tiền là 64.000.000đ, anh D đồng ý rồi ra về, sang ngày sau, anh D quay lại phòng làm việc của G, đưa cho G số tiền 15.000.000đ. Sau một tuần G gọi điện yêu cầu anh D đem số tiền còn lại để hoàn thiện hồ sơ, anh D đã đến phòng làm việc của G đưa thêm 49.000.000đ cho G, tổng số tiền là 64.000.000đ. Nhận tiền xong, G không tiến hành các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D mà lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vào thời gian đầu tháng 7 năm 2017, G đến nhà anh Nguyễn Văn D hỏi anh D có nhu cầu tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không. Lúc này anh D đồng ý tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất gia đình anh D đang ở mang tên bố để là ông Nguyễn Liễu sang tên cho mình và hỏi G có làm được không, G nói bản thân G có thẩm quyền làm được. Nghe vậy anh D tin và G nói hết toàn bộ tiền làm thủ tục là 40.000.000đ. Sau đó anh D đưa tiền cho G lần thứ nhất giao số tiền 10.000.000đ vào đầu tháng 8 năm 2017, lần thứ hai giao 30.000.000đ vào đầu tháng 9 năm 2017. Tổng số tiền G nhận của anh D là 40.000.000đ. Nhận tiền xong, G không tiến hành các hoạt động làm hồ sơ cho anh D như thỏa thuận mà lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào thời gian đầu tháng 8 năm 2017, thông qua dư L, anh Hoàng Văn V được biết G nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và H T hóa sổ đất thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Nên anh V đến phòng làm việc của G để hỏi về việc muốn H T hóa sổ đất thừa tại thửa đất mà mình đứng tên. Khi nghe được nguyện vọng của anh V, G nói bản thân G có thẩm quyền H T hóa sổ đất thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu và làm nhanh hơn UBND xã QL. Đồng thời G cũng đưa ra số tiền mà anh V phải đưa để G làm thủ tục giấy tờ là 24.000.000đ. Nghe G nói vậy anh V tin và thống nhất số tiền G đưa ra và đã giao cho G hai lần tổng số tiền 24.000.000đ. Nhận tiền xong, G không tiến hành các hoạt động làm hồ sơ cho anh V theo thỏa thuận mà lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào khoảng 8 giờ, thời gian đầu tháng 8 năm 2017, G đến nhà chị Lê Thị L. Tại đây G nói đất của gia đình chị L đang ở thừa 300m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Nếu đồng ý H T hóa thì G chỉ nhận tiền làm thủ tục 3.000.000đ. Đến 12 giờ cùng này, sau khi suy nghĩ, Chị L đến phòng làm việc của G để hỏi thêm về thủ tục H T hóa đất thừa. Sau khi nghe G nói bản thân G có thẩm quyền H T hóa sổ đất thừa nói trên, chị L đã tin và giao cho G số tiền 3.000.000đ tại phòng làm việc của G. Nhận tiền xong G không thực hiện các hoạt động làm thủ tục, hồ sơ cho Chị L mà lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào thời gian cuối tháng 8 năm 2017, anh Nguyễn Văn T đến phòng làm việc của G hỏi về việc H T hóa sổ đất thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của gia đình. Tại đây G nói bản thân G có thẩm quyền H T hóa được đất thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Thấy G nói làm được nên anh T tin và thống nhất số tiền G đưa ra, ngày 24/8/2017, anh T đã giao cho G số tiền 21.000.000đ. Nhận tiền xong G không tiến hành các hoạt động để làm giấy tờ đất cho anh T. Chị Nguyễn Thị Nguyệt là vợ của anh T đã yêu cầu G phải trả lại số tiền trên cho gia đình.

Vào ngày 20/9/2017, Hoàng Văn T đến phòng làm việc của G. Tại đây anh T hỏi G thông tin về đất mà gia đình anh T đang ở. Lúc này G lấy máy tính của mình ra, kiểm tra thông tin và nói với anh T là đất của anh T thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu nhưng không nói là thừa bao nhiêu. Nghe G nói vậy, anh T hỏi G là có H T hóa được sổ đất thừa không, G nói bản thân G H T hóa được sổ đất thừa đó. Thấy vậy anh T tin và đồng ý để G H T hóa đất thừa cho gia đình mình. Sau đó G nói với anh T, phải đưa trước 5.000.000đ để làm thủ tục, anh T đồng ý và giao cho G số tiền 5.000.000đ tại phòng làm việc của G. Đến khoảng 10 ngày sau, Tc vào thời gian khoảng cuối tháng 9 năm 2017, G điện thoại yêu cầu anh T đưa thêm 19.000.000đ. Tổng hai lần anh T đưa cho G là 24.000.000đ. Nhận tiền xong G nói đến tháng 12 năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, đã được H T hóa sổ đất thừa. Nhưng sau đó G không tiến hành làm các thủ tục, còn tiền thì G tiêu xài cá nhân hết.

Vào thời gian đầu tháng 10 năm 2017, sau khi nghe dư L được biết G nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên chị Nguyễn Thị N điện thoại cho G hỏi về việc tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất gia đình chị N đang ở và được G trả lời làm được. Sau đó hai ngày G đến nhà chị N để thống nhất thêm về thủ tục và số tiền. Tại đây G nói bản thân G có thẩm quyền tách được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và G đưa ra số tiền là 15.000.000đ nhưng đưa trước một phần. Chị N nghe nói vậy nên tin và đồng ý rồi đưa cho G số tiền 12.000.000đ tại nhà chị N. Nhận tiền xong, G hứa đến cuối năm 2017 sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng G không thực hiện các hoạt động tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N mà lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2017, anh Nguyễn Hữu T nghe được thông tin nên đến phòng làm việc của G nhờ H T hóa sổ đất 300m² thừa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của gia đình. Sau khi được G nói về bản thân mình và làm được thủ tục về đất, anh T đã tin và thống nhất số tiền mà G đưa ra, sau đó anh T đưa cho G, số tiền 2.000.000đ. Ngày 22/10/2017 anh T đưa tiếp 1.500.000đ, tổng số tiền anh T đưa cho G là 3.500.000đ. Nhận tiền xong G không tiến hành các hoạt động để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T

mà lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Do anh Thực đã chết nên chị Lê Thị T là vợ anh T yêu cầu G phải trả lại số tiền trên cho gia đình chị.

Như vậy tổng số tiền mà Trần Văn G lừa đảo chiếm đoạt của 21 hộ dân nói trên là 442.680.000đ.

Ngày 02/8/2019 gia đình bị cáo G đã bồi thường cho cho 07 hộ dân, cụ thể:

Chị Vũ Thị N 2.000.000đ; Bà Lê Thị T 2.000.000đ; Chị Trịnh Thị T 2.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Anh 2.000.000đ; Chị Hồ Thị H 2.000.000đ; Anh Hồ Xuân H 2.000.000đ; Anh Hồ Văn S 2.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 73/CT- VKS - HM, ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố bị cáo Trần Văn G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm Ny Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị: □p dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn G từ 7 năm – 8 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả cho anh Hồ Văn S 7.200.000đ; anh Hồ Xuân H 7.200.000đ; chị Nguyễn Thị D 78.000.000đ; chị Nguyễn Thị Tùy 13.000.000đ; anh Hồ Văn N 20.000.000đ; anh Vũ Xuân L 8.500.000đ; chị Hồ Thị H 4.940.000đ; chị Vũ Thị N 7.000.000đ; anh Hoàng Văn T 26.000.000đ; chị Nguyễn Thị Anh 8.200.000đ; anh Hồ Văn X 14.200.000đ; anh Vũ Xuân K 35.000.000đ. anh Hồ Tuyên H 4.940.000đ; anh Hồ Văn D, sinh năm 1976, trú tại: Thôn 6, xã QL, thị xã H, số tiền là 64.000.000đ; anh Nguyễn Văn D 40.000.000đ; anh Hoàng Văn V 24.000.000đ; chị Lê Thị L 3.000.000đ; anh Nguyễn Văn T 21.000.000đ; anh Hoàng Văn T 24.000.000đ; chị Nguyễn Thị N 12.000.000đ; bà Lê Thị T 1.500.000đ.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng-ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt; có đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017, Trần Văn G đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói với các hộ dân, bản thân G có thẩm quyền, chức vụ và quen biết nhiều người với cơ quan cấp tỉnh Nghệ an nên tự làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách và H T hóa diện tích đất thừa, làm cho các hộ dân tin và nhờ G làm giấy tờ về đất; G đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Hồ Văn S 9.200.000đ; anh Hồ Xuân H 9.200.000đ; chị Nguyễn Thị D 78.000.000đ; chị Nguyễn Thị Tuy 13.000.000đ; anh Hồ Văn N 20.000.000đ; anh Vũ Xuân L 8.500.000đ; anh Hồ Văn T 6.940.000đ; chị Vũ Thị N 9.000.000đ; anh Hoàng Văn T 26.000.000đ; chị Nguyễn Thị Anh 10.200.000đ; anh Hồ Văn X 14.200.000đ; anh Vũ Xuân K 35.000.000đ. anh Hồ Tuyên H 6.940.000đ; anh Hồ Văn D 64.000.000đ; anh Nguyễn Văn D 40.000.000đ; anh Hoàng Văn V 24.000.000đ; chị Lê Thị L 3.000.000đ; anh Nguyễn Văn T 21.000.000đ; anh Hoàng Văn T 24.000.000đ; chị Nguyễn Thị N 12.000.000đ; ông Nguyễn Hữu T 3.500.000đ. Tổng số tiền Trần Văn G đã chiếm đoạt của 21 hộ dân là 442.680.000đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Thế tố cáo bị Trần Văn G lừa đảo chiếm đoạt số tiền 129.000.000đ và Nguyễn Thị Nghị tố cáo bị G lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 66.000.000đ. Nhưng qua xác minh, điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ G chỉ thừa nhận có nhận tiền của chị Thế 11.000.000đ. Do đang còn mâu thuẫn giữa lời khai Trần Văn G và chị Thế, cũng như thời hạn điều tra vụ án đã hết nên cơ quan CSĐT Công an thị xã H đã tách vụ việc này ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý bằng 1 vụ án khác.

Quá trình phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do không muốn lao động chân chính, coi thường pháp luật nên đã thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Trần Văn G phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc tr- ờng hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ- ọc pháp luật bảo vệ, ảnh h- ưởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình th- ờng của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc bằng hình phạt tù như Viện kiểm sát đề nghị, t- ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[4] Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa hôm Ny, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần song cần thiết phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung; (Bà Nguyễn Thị X mẹ của bị cáo G đã trả cho 7 người bị hại được 14.000.000đ nhưng theo hướng dẫn tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền đã trả chưa đủ $\frac{1}{2}$ số tiền phải trả nên không đủ điều kiện áp dụng tình tiết “tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”).

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế; nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã trả cho Chị Vũ Thị N 2.000.000đ; bà Lê Thị T (vợ ông Nguyễn Đình T, ông T đã chết) 2.000.000đ; anh Hồ Tuyên H 2.000.000đ; chị Nguyễn Thị Anh 2.000.000đ; chị Hồ Thị H (vợ anh Hồ Văn T, anh T đã chết) 2.000.000đ; anh Hồ Xuân H 2.000.000đ; anh Hồ Văn S 2.000.000đ.

Ny tiếp tục buộc bị cáo trả cho anh Hồ Văn S 7.200.000đ; anh Hồ Xuân H 7.200.000đ; chị Hồ Thị H 4.940.000đ; chị Vũ Thị N 7.000.000đ; chị Nguyễn Thị Anh 8.200.000đ; bà Lê Thị T 1.500.000đ; anh Hồ Tuyên H 4.940.000.

Buộc bị cáo trả cho chị Nguyễn Thị D 78.000.000đ; chị Nguyễn Thị Tuy 13.000.000đ; anh Hồ Văn N 20.000.000đ; anh Vũ Xuân L 8.500.000đ; anh Hồ Văn D 64.000.000đ; anh Hồ Văn X 14.200.000đ; anh Nguyễn Văn D 40.000.000đ; anh Hoàng Văn V 24.000.000đ; chị Lê Thị L 3.000.000đ; anh Nguyễn Văn T 21.000.000đ; anh Hoàng Văn T 24.000.000đ; chị Nguyễn Thị N 12.000.000đ; anh Hoàng Văn T 26.000.000đ; anh Vũ Xuân K 35.000.000đ.

Tại phiên tòa bà X không yêu cầu bị cáo G trả số tiền bà bồi thường cho bị hại nên miễn xét.

Về vật chứng vụ án:01 diên thoại là pH tiện bị cáo dùng để liên lạc với các hộ dân để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn G 09 (chín) năm tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 27/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo trả cho anh Hồ Văn S 7.200.000đ; anh Hồ Xuân H 7.200.000đ; chị Nguyễn Thị D 78.000.000đ; chị Nguyễn Thị Tuy 13.000.000đ; anh Hồ Văn N 20.000.000đ; anh Vũ Xuân L 8.500.000đ; chị Hồ Thị H 4.940.000đ; chị Vũ Thị N 7.000.000đ; anh Hoàng Văn T 26.000.000đ; chị Nguyễn Thị Anh 8.200.000đ; anh Hồ Văn X 14.200.000đ; anh Vũ Xuân K 35.000.000đ. anh Hồ Tuyên H 4.940.000đ; anh Hồ Văn D 64.000.000đ; anh Nguyễn Văn D 40.000.000đ; anh Hoàng Văn V 24.000.000đ; chị Lê Thị L 3.000.000đ; anh Nguyễn Văn T 21.000.000đ; anh Hoàng Văn T 24.000.000đ; chị Nguyễn Thị N 12.000.000đ; bà Lê Thị T 1.500.000đ.

Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại (Điện thoại có số lượng, đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H với Chi cục thi hành án dân sự thị xã H).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Trần Văn G phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 21.434.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp;
- CA thị xã H;
- VKSND tỉnh Nghệ an;
- Lưu VP.

Trần Ngọc Hà